

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
1.6.2	Các lô biệt thự đối diện đường 7,5m	6.500
2	MBQH hạ tầng kỹ thuật tái định cư Đông Văn, phường Đông Quang	
2.1	Các lô lòng đường 23m	13.000
2.2	Các lô lòng đường 7,5m	8.000
2.3	Các lô khuôn viên CX01	9.500
3	MBQH hạ tầng kỹ thuật tái định cư Đông Phú, phường Đông Quang	
3.1	Các lô lòng đường 21m	8.500
3.2	Các lô lòng đường 16m	8.000
3.3	Các lô lòng đường 7,5m	6.000
4	MBQH hạ tầng kỹ thuật tái định cư Đông Nam, phường Đông Quang	
4.1	Các lô lòng đường 7,5m	5.000
4.2	Các lô TDC:10.01.01 đến TDC10:002.07 đối diện Nhà văn hóa	5.500
4.3	Các lô TDC 01:13 đến TDC01:24 đối diện khuôn viên cây xanh CX01	5.500
4.4	Các lô TDC 02:08 đến TDC02:14 đối diện khuôn viên cây xanh CX02	5.500
4. PHƯỜNG ĐÔNG SƠN		
A	MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH	
1	Quốc lộ 45	
1.1	Đường Quốc lộ 45 từ giáp Đông Lĩnh - Đoàn Quy hoạch Lâm nghiệp	12.000
1.2	Đường Quốc lộ 45 từ Đoàn Quy hoạch Lâm nghiệp - Bảo hiểm xã hội	12.000
1.3	Đường Quốc lộ 45 từ Bảo hiểm xã hội đến Nhà văn hóa khu phố Thống Nhất	12.000
1.4	Đường Quốc lộ 45 từ Nhà văn hóa khu phố Thống Nhất - giáp phố Toàn Tân	10.000
1.5	Đường Quốc lộ 45 giáp khối phố Toàn Tân - giáp xã Đông Tiến (cũ)	10.000
1.6	Đường Quốc lộ 45 - Kim Sơn (Đông Tiến)	7.500
2	Quốc lộ 47	
2.1	Đường Quốc Lộ 47 đoạn giáp đường Vành đai phía Tây Đông Tân cũ đến hết nhà bà Nhấp (thửa 102, tờ số 11)	12.000
2.2	Đoạn nối Quốc lộ 45-Quốc lộ 47 (trước UBND phường Đông Sơn)	12.000
2.3	Quốc lộ 47 từ giáp nhà bà Nhấp - ông Hưởng (thửa 57 tờ bản đồ 10)	10.000
2.4	Quốc lộ 47 đoạn giáp đường Vành đai phía Tây (Đông Tân cũ đến hết Cây xăng Minh Hương Đông Khê cũ)	12.000
2.5	Quốc lộ 47 đoạn giáp Cây xăng Minh Hương Đông Khê cũ đến đường vào Bắc Giáp (Mặt bằng Đồng Xín)	10.000
2.6	Đường Quốc lộ 47 cũ đoạn từ hộ ông Hoàn đến ngã 3 Quốc lộ 47 Đông Minh cũ	5.000
2.7	Quốc lộ 47 đoạn từ giáp đường vào Bắc Giáp (Mặt bằng Đồng Xín) đến Cầu Thiều	10.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
3	Tỉnh lộ Gốm - Cầu Trâu: Từ giáp Quốc lộ 47 Đông Tân cũ đến phường Đông	9.000
4	Tỉnh lộ 515B: Từ giáp Quốc lộ 47 - Thiệu Trung	5.500
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG PHƯỜNG	
B.1	PHƯỜNG RỪNG THÔNG CŨ	
1	Dọc kênh Bắc B19 cũ từ khu phố Cao Sơn - khu phố Phụng Lĩnh	6.000
2	Đường vào Trường Nguyễn Mộng Tuân	6.000
3	Dọc đường Thống Nhất từ khu phố Thống Nhất - Đông Lĩnh	6.500
4	Đường vào nghĩa địa KP Thống Nhất (từ nhà ông Ngà đến nhà ông Ba)	4.500
5	Đường từ Đơn vị quân đội - giáp nghĩa địa	4.500
6	Khu vực sau núi cáo từ Trung tâm hội nghị - Trường Nguyễn Chích	5.000
7	Đường quanh chợ huyện (tính từ lô 2 Quốc lộ 47)	5.000
8	Dọc kênh Bắc từ giáp Cầu Cáo - Đông Tân	4.500
9	Các đường ngõ, ngách còn lại của các khối phố Thống Nhất - Cao Sơn - Phụng Lĩnh - Nam Sơn (chiều rộng đường $\leq 4m$)	3.000
10	Đường vào nhà nghỉ Mai Lâm và các lô đất không bám mặt đường Quốc lộ 45 của mặt bằng QH:1743	5.000
11	Đường phường Rừng Thông - Đông Thịnh; đường vào Trường PTTH Đông Sơn; đường vào khu cổ cò khu phố Nhuệ Sâm; đường Quốc lộ 47 từ nhà bà Nhấp đi Tỉnh lộ 517 khu phố Xuân Lưu	5.000
12	Đường trục khu phố Toàn Tân từ Cổng Làng - cầu kênh Bắc	4.000
13	Đường trục chính khu phố Nhuệ Sâm, Xuân Lưu, Đông Xuân	3.000
14	Đường ngõ phố của phố Nhuệ Sâm, Xuân Lưu, Đông Xuân (chiều rộng đường $\leq 4m$)	2.500
15	Khu MBQH 452 (Đồng Đội); Lô 2, lô 3, lô 4	8.000
16	Đường xã giáp Quốc lộ 47 (Đông Anh) - Cầu qua kênh Bắc (Đại Đồng 1)	4.500
17	Ngõ phố còn lại của phố Toàn Tân - Đại Đồng (chiều rộng đường $\leq 4m$)	2.500
18	MBQH khu Đồng Mạ khu phố Thống Nhất lô 2,3	8.000
19	Đường ngõ phố còn lại thuộc các Tổ Dân phố : Viên Khê 1 và Viên Khê 2	2.500
20	Đường BT nối Quốc lộ 47 (ngã ba Cầu Cáo) đi đường TL517	15.000
21	MBQH số 935 từ lô 28-81 (trừ các lô tiếp giáp với Quốc lộ 45)	8.000
22	MBQH số 935 từ lô 82-91 (trừ các lô tiếp giáp với Quốc lộ 45)	8.000
23	MBQH 1879	
23.1	MBQH số 1879 các lô có đường tiếp giáp với Quốc lộ 47	12.000
23.2	MBQH số 1879 các lô tiếp giáp với mặt đường đôi (mặt đường rộng 28m)	10.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
23.3	MBQH số 1879 - VT lô 2 (sau các lô tiếp giáp với Quốc lộ 47) và các lô có tuyến đường rộng 10,5 m	9.000
23.4	MBQH số 1879 các lô có tuyến đường rộng 7,5m	8.000
24	MBQH số 2930 các lô còn lại (sau các lô tiếp giáp với đường Tỉnh Lộ)	8.000
25	MBQH số 2513 các lô tiếp giáp đường Đại lộ Đông Tây	14.000
26	MBQH 2513 đường còn lại	10.000
27	Đường Quốc lộ 45 (từ KP Toàn Tân) nối Quốc lộ 47 đi xã Đông Anh (mặt cắt 33)	10.000
28	Dọc kênh Bắc khu phố Toàn Tân, khu phố Hàm Hạ	3.000
29	MBQH 926: Các lô giáp đường BT	15.000
30	MBQH 926: Các lô còn lại	10.000
31	MBQH 767 (Rừng Thông - Đông Thịnh)	8.000
32	MBQH 2413 (OM14) các lô tiếp giáp Đại lộ Đông Tây	14.000
33	MBQH 2413 (OM14) đường còn lại	10.000
34	Khu TĐC Toàn Tân: Các lô giáp đường trục chính	14.000
35	Khu TĐC Toàn Tân: Các lô còn lại	8.000
36	MBQH 4761 (đường BT) các lô giáp đường BT	15.000
37	MBQH 4761 (đường BT) các lô còn lại	12.000
38	Dọc kênh Bắc từ giáp Cầu Cáo - Cầu đi Trường Nguyễn Chính (KP. Đông Xuân)	4.500
39	MBQH số 520 ngày 07/02/2024 khu dân cư Đồng Nhung	
39.1	Trục đường đối có lòng đường rộng 45m	10.500
39.2	Trục đường có lòng đường $\geq 10,5m$	8.000
39.3	Các tuyến đường nội bộ còn lại của mặt bằng quy hoạch	7.000
40	MBQH số 2913 ngày 11/9/2023	
40.1	Các lô tiếp giáp đường trục chính của MB khu dân cư OM17 - CX 7	10.500
40.2	Các lô còn lại của MB khu dân cư OM17 - CX 7	8.000
40.3	Đường Quốc lộ 45 cũ (Nối Quốc lộ 45 cũ kèm Sơn Đồng Tiến)	7.000
41	MBQH 1561/QĐ-UBND ngày 28/5/2023 Khu đô thị mới số 01, thị trấn Rừng Thông (Khu dân cư mới số 01, thị trấn Rừng Thông)	
41.1	Tuyến đường trục trung tâm (Tuyến N1) có lòng đường rộng 55m	10.500
41.2	Tuyến đường nối Quốc lộ 45 với Quốc lộ 47 có lòng đường rộng 36m	9.500
41.3	Tuyến T1 đường chính có lòng đường rộng 34m	9.000
41.4	Tuyến trục cảnh quan đường N6 + N7 Đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng 10,50m	8.000
41.5	Các đường nội bộ có mặt bằng có lòng đường rộng 7,50m	7.000
42	MBQH 1926/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 Khu dân cư mới số 02, thị trấn Rừng Thông, (Khu đô thị mới Rừng Thông)	
42.1	Tuyến đường vành đai 2,5 có lòng đường rộng 45m	10.500

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
42.2	Tuyến đường Lê Hy phân khu số 09 có lòng đường rộng 52m	10.500
42.3	Các tuyến đường trục chính có lòng đường rộng 10,5m	9.500
42.4	Các tuyến đường nội bộ có lòng đường rộng 7,5m	8.000
43	MBQH 3335/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 Khu dân cư mới OM42, OM43, OM44 (Khu dân cư mới phía Đông Bắc đường trục chính đô thị)	
43.1	Các tuyến đường trục trung tâm giáp đường Lê Hy	10.500
43.2	Tuyến đường chính có lòng đường rộng 36m	10.000
43.3	Đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng 10,50m	9.000
43.4	Các đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng = 7,50m	7.000
44	MBQH 7336/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 Điểm dân cư phía Đông Bắc đường trục chính đô thị mới thị trấn Rừng Thông	
44.1	Đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng 15,0m (giáp Quốc lộ 45) và trục chính	9.500
44.2	Các đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng 7,50m	6.000
45	MBQH 8811/QĐ-UBND ngày 30/10/2021 Khu dân cư mới phía Tây Nam Quốc Lộ 47, thị trấn Rừng Thông (Rừng Thông - Đông Thịnh)	
45.1	Đường đôi trục trung tâm có lòng đường rộng 52m	10.500
45.2	Đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng 10,50m	10.000
45.3	Các đường nội bộ mặt bằng có lòng đường rộng 7,50m	7.000
46	MBQH (OM4-11)	6.000
47	MBQH 2652 (OM 39, 40)	
47.1	Tuyến trục chính MBQH tiếp giáp với đường trục chính đô thị	10.500
47.2	Các tuyến nội bộ còn lại MBQH	7.000
48	MBQH 3066 (HH17) (Rừng Thông - Đông Thịnh)	
48.1	Các lô giáp Quốc lộ 47	10.000
48.2	Các lô đường nội bộ còn lại MBQH	7.000
49	MBQH 925	
49.1	Các lô giáp Quốc lộ 47	10.000
49.2	Các lô giáp đường vào bệnh viện	8.000
49.3	Các tuyến đường còn lại	6.500
50	MBQH 924	8.000
51	MBQH (OM19)	8.000
51.1	Giáp đường Thống Nhất đi vào xăng dầu	6.000
B.2	XÃ ĐÔNG MINH CŨ	
1	Đường từ Quốc lộ 47 đi xã Đông Hòa (trục đường 10.5m) đoạn từ nhà ông Thiện đi xã Đông Hoà	6.000
2	Đường từ Quốc lộ 47 cũ đi đường Phú Anh Cầu Vạn	4.000
3	Đường từ cầu Đá - MB 929 (Cồn Mần)	4.000
4	Đường từ Nghĩa địa Bái Đầu đi MB 929 (Đa Xi)	3.000
5	Đường từ Quốc lộ 47 đến đường liên Tổ dân phố Tổ dân phố 1,2,3	2.500
6	Đường liên Tổ dân phố 1, 2, 3 từ nhà ông Thái Tổ dân phố 1 đi đến nhà Ông Luận Tổ dân phố 2	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
7	Đường ngõ xóm của các Tổ dân phố (chiều rộng đường < 4m)	1.500
8	Đường ngõ xóm của các Tổ dân phố (chiều rộng đường > 4m)	2.000
9	Đường huyện Đông Minh - Đông Khê - Đông Thanh	6.000
10	MBQH số 1622, 1623, 825 - đường đôi	5.000
11	Mặt bằng quy hoạch số 1622, 1623, 825 - Đường còn lại	4.000
12	MBQH 771	3.000
13	Khu dân cư tái định cư đường cao tốc xã Đông Minh (Đồng Vạn, Đồng Bái Nội)	
13.1	Tách thành: Các lô giáp Đường từ Quốc lộ 47 đi xã Đông Hòa (trục đường 10.5m)	6.000
13.2	Các lô còn lại thuộc Khu dân cư	4.000
14	Đường nội UBND xã Đông Thanh - đi Quốc lộ 47 (xã Đông Minh)	4.000
15	Tuyến đường bờ sông Cầu Ê Trường Tuế	3.000
16	Đường huyện từ Quốc lộ 47 (Nhà máy may Phú Anh) đi Cầu Vạn, Đông Ninh	6.000
17	MBQH 3696 (Điểm dân cư Tổ dân phố 5)	
17.1	Tách thành: Các lô giáp đường từ Quốc lộ 47 cũ đi đường Phú Anh Cầu Vạn	6.000
17.2	Các lô còn lại thuộc MBQH	4.000
18	MBQH KDC mới Đồng Xin, Tổ dân phố 2	4.500
19	MBQH 3695 Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 4	4.000
20	Điểm dân cư đồng Chính Sách + Đồng Tượng	4.000
21	MBQH 828 ngày 30/3/2018	3.000
22	MBQH 2916 ngày 31/12/2015	4.000
23	Đường gom hai bên chân cầu vượt Quốc lộ 47 qua cao tốc Bắc Nam	3.500
24	Đường gom dân sinh cao tốc Bắc Nam	2.500
25	Đường từ Quốc lộ 47 cũ đến nhà ông Thiện Tổ dân phố 3	3.000
26	MBQH 1164 ngày 20/4/2021 Điểm dân cư nông Tổ dân phố tại Đồng Trỏ, Đồng Ngang, Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, xã Đông Minh (MBQH điều chỉnh số 858; 1693/QĐ-UBND)	
26.1	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5 m	6.000
26.2	Đường có chiều rộng lòng đường 7,5m	4.000
27	MBQH 3693 ngày 29/10/2020 điểm dân cư nông thôn (cạnh nhà Văn Hóa Tổ dân phố 1)	
27.1	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5 m	6.000
27.2	Đường có chiều rộng lòng đường 7,5m	4.000
27.3	Đường có chiều rộng lòng đường 5,5m	3.500
28	MBQH 3694 (MBQH điều chỉnh số 3741/QĐ-UBND)	
28.1	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5 m	6.000
28.2	Đường có chiều rộng lòng đường 7,5m (trừ các lô LK B 37 - đến lô LKB41)	4.000
28.3	Các lô LK B 37 - đến lô LKB41	2.500
28.4	Đường có chiều rộng lòng đường 5,5 m	3.500
29	MBQH 770, tuyến đường vào quy hoạch Khu Công nghiệp	4.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
30	Tuyến đường còn lại MBQH 770	3.000
B.3	XÃ ĐÔNG ANH CŨ (xã Đông Khê cũ)	
1	Đường xã từ Quốc lộ 47 giáp hộ ông Hoàn - Trung tâm văn hóa xã giáp đường Đông Anh cũ - Đông Tiến	5.000
2	Các tuyến đường trục chính thuộc các phố xã Đông Anh cũ có chiều rộng mặt đường > 4m	3.000
3	Lô 2 tại MBQH dân cư số 917/QĐ-UBND (khu vực Quốc lộ 47)	5.000
4	Các đường ngõ còn lại của các phố Đông Anh cũ có chiều rộng mặt đường $\leq 4m$	2.500
5	Các lô còn lại của các mặt bằng: MBQH số 606; 495; Khu tái định cư cao tốc xã Đông Anh (cũ); Khu dân cư Đồng Bùng	6.000
6	Khu dân cư Đồng Nam (các lô còn lại)	6.000
7	MBQH số 8468 điều chỉnh từ MBQH 2408 (các lô còn lại khu Cồn U)	6.000
8	Đường Quốc lộ 45 (mặt cắt 3-3) nối Quốc lộ 47 (Nhà máy may Phú Anh)	8.000
9	Đường giáp Quốc lộ 47 (Nhà máy may Phú Anh) đi Cầu Vạn Đông Ninh	6.000
10	MBQH 2623	6.000
11	MBQH 258 điều chỉnh từ MBQH 4324	6.000
12	MBQH số 3083- Điểm dân cư cạnh trường mầm non Đông Anh cũ	6.000
13	MBQH số 8467 - Cồn cũ Đa Đồi	6.000
14	MBQH số 788 ngày 11/3/2020 (MBQH cạnh nhà văn hóa Tổ dân phố Viên Khê 1)	6.000
15	MBQH số 1769 ngày 27/10/2015	6.000
16	MBQH số 1330 ngày 08/9/2014	6.000
17	MBQH 3320	6.000
18	MBQH 898 các lô sau đường Quốc lộ 47 giáp MBQH 8467 (cồn cũ Đa Đồi)	6.000
19	MBQH số 3208 ngày 12/10/2023 (điều chỉnh cục bộ MBQH số 607 ngày 24/4/2017) MBQH nhà Thánh	10.500
B.4	XÃ ĐÔNG KHÊ CŨ	
1	Khu vực MBQH số 70/QH năm 2010	3.000
2	Đường liên phường từ Quốc lộ 47 đến trại bò Đông Thanh cũ	3.000
3	Các tuyến đường trục chính thuộc các phố xã Đông Khê cũ có chiều rộng mặt đường > 4m	3.000
4	Các đường ngõ xóm còn lại các phố xã Đông Khê cũ có chiều rộng mặt đường $\leq 4m$	2.000
5	Đường nội bộ MBQH 537	5.000
6	Đường nội bộ còn lại MBQH 538	5.000
7	Đường nối UBND xã Đông Thanh - đi Quốc lộ 47 xã Đông Minh	5.000
8	MBQH đồng Xin (Đông Minh - Đông Khê)	4.500
9	Điểm dân cư và nhà văn hóa Tổ dân phố chợ Rùn, xã Đông Khê	4.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
10	Điểm dân cư giáp chùa Thạch Khê, xã Đông Khê	3.000
11	MBQH 54 các lô bóm đường còn lại	4.000
12	MBQH 898 các lô sau đường Quốc lộ 47 giáp MBQH 8467 (còn cũ Đa Đồi)	6.000
13	MBQH số 3164 ngày 06/9/2022 (MBQH Đồng Xín Tổ dân phố 4, Tổ dân phố 5)	7.476
14	MBQH số 928 ngày 9/3/2019 (các tuyến đường trong mặt bằng)	4.000
15	MBQH số 3736 - Đông Khê, Đông Ninh	
15.1	Đường trục chính (giáp Quốc lộ 47)	9.500
15.2	Các tuyến đường còn lại MBQH	6.000
16	MBQH số 3208 ngày 12/10/2023 (điều chỉnh cục bộ MBQH số 607 ngày 24/4/2017) MBQH nhà Thánh	10.000
17	MBQH số 2265 ngày 16/7/2024 (điều chỉnh cục bộ MBQH Đồng Cự Bản Tổ dân phố 4, Tổ dân phố 5)	4.500
B.5	XÃ ĐÔNG HOÀNG CŨ	
1	Đường trục chính các Tổ dân phố xã Đông Hoàng cũ có mặt đường rộng >4m	2.500
2	Các tuyến đường còn lại của các Tổ dân phố xã Đông Hoàng cũ có mặt đường rộng $\leq 4m$	1.500
3	MBQH 3073 ngày 20/9/2019 đường rộng 7,5 m	5.000
4	MBQH 1014 ngày 29/03/2024	
4.1	Đường có chiều rộng lòng đường 7,50 m giáp đường Quốc lộ 47	15.000
4.2	Đường có chiều rộng lòng đường 7,50 m giáp đường Tỉnh lộ 515B	8.000
4.3	Các đường nội bộ còn lại mặt bằng	5.500
5	MBQH 3439 điều chỉnh từ MBQH 3183	
5.1	Đường trục chính mặt bằng mặt đường rộng 8m	6.000
5.2	Các tuyến đường có mặt đường rộng 7,5m	5.000
5.3	Các tuyến đường nội bộ còn lại	4.000
6	MBQH số 984 năm 2015	3.000
7	MBQH 932 ngày 29/3/2019	3.000
8	Các lô còn lại của MBQH 536 năm 2017	3.000
B.6	PHƯỜNG ĐÔNG THỊNH CŨ	
1	Đường liên phường từ giáp Quốc lộ 47 đến giáp phường Đông Quang	5.000
2	Đường trục chính Đà Ninh (từ tỉnh lộ 517 đến hết MBQH 3081)	5.000
3	Đường ngõ xóm của tất cả các Tổ dân phố phố	2.000
4	MBQH 832 (trừ các lô tiếp giáp đường TL 517)	6.000
5	Đường liên Tổ dân phố Đại Từ 1,2,3; Ngọc Lậu 1,2	3.000
6	MBQH 747	9.000
7	Đường BT từ nhà máy gạch Quang Vinh đến ngã ba giao với đường liên phường từ giáp Quốc lộ 47 đến giáp phường Đông Quang	5.000
8	MBQH 3220 (vị trí đường đôi)	8.500
9	MBQH 3220 đoạn đường 10.5 m	7.500
10	MBQH 3220 các tuyến còn lại của mặt bằng.	7.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
11	MBQH 5361(vị trí đường đôi)	9.000
12	MBQH 5361 vị trí mặt đường 10.5	7.500
13	MBQH 5361 các vị trí còn lại trong MB	6.000
14	MBQH Khu dân cư Đà Ninh	6.000
15	MBQH số 1026	
15.1	Đường có chiều rộng lòng đường 15m	8.000
15.2	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5m	7.500
15.3	Các tuyến còn lại	6.000
16	MBQH số 1836 khu dân cư mới số 3 xã Đông Thịnh	
16.1	Đường đôi	9.000
16.2	Đường có chiều rộng lòng đường 16m	8.000
16.3	Đường có chiều rộng lòng đường ≥ 10 m	7.000
16.4	Đường có chiều rộng lòng đường 7,5m	6.000
17	Đoạn đường từ ông Trần đến MHQH 9637(đến thửa đất ông Phú Hảo)	2.000
18	Đoạn đường từ nhà ông Biết đến nhà ông Rạng (cạnh Nhà văn hóa Đại Từ 3)	2.500
19	Đoạn đường từ nhà bà Xoa đến đường MBQH 1036 (đến thửa đất bà Nhân)	2.000
20	Đoạn đường từ đường trục chính Tổ dân phố Đà Ninh (ông Đệ) đến đường MBQH 832 (đến thửa đất bà Vân)	2.500
21	Đoạn đường từ hộ ông Long Mầu đến đường đi Đông Văn (đường BT).	2.500
22	MBQH 9637	
22.1	Đường đôi	8.500
22.2	Đường có chiều rộng lòng đường 10,5 m	7.000
22.3	Đường nội bộ còn lại MBQH	6.000
23	MBQH 1300 xã Đông Thịnh	8.000
24	MBQH 543 xen cư khu chợ	6.000
25	MBQH xen cư Ngọc Lâu	5.000
B.7	XÃ ĐÔNG NINH CŨ	
1	Từ Quốc lộ 47 đến hết đường đôi	6.000
2	Từ giáp MBQH 3384 đến cầu Vạn	5.700
3	Đường liên Tổ dân phố : Hoà Bình, Thế Giới	2.500
4	Đường liên Tổ dân phố : Trường Xuân, Vạn Lộc, Thành Huy	2.300
5	Đường liên Tổ dân phố : Phù Bình, Phù Chấn	2.000
6	Ngõ Tổ dân phố : Hoà Bình, Thế Giới lớn hơn 4,0m	1.950
7	Ngõ Tổ dân phố : Hoà Bình, Thế Giới nhỏ hơn và bằng 4,0m	1.800
8	Ngõ tổ dân phố : Trường Xuân, Vạn Lộc, Thành Huy lớn hơn 4,0m	1.650
9	Ngõ Tổ dân phố : Trường Xuân, Vạn Lộc, Thành Huy nhỏ hơn và bằng 4,0m	1.500
10	Ngõ Tổ dân phố : Phú Bình, Phù Chấn lớn hơn 4,0m	1.350
11	Ngõ Tổ dân phố : Phú Bình, Phù Chấn nhỏ hơn và bằng 4,0m	1.200
12	MBQH số 930/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 (Điểm xen cư Đồng Đất Mạ - Tổ dân phố Hữu Mộc)	4.000
13	MBQH số 3806/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 (Điểm dân cư nông Tổ dân phố Tổ dân phố Thế Giới, Tổ dân phố Thành Huy, Tổ dân phố Hoà Bình)	

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
13.1	Đường có lòng đường rộng 10.5m	4.800
13.2	Các tuyến đường còn lại MBQH	4.200
14	MBQH 4920/QĐ-UBND ngày 9/12/2014 (Điểm dân cư Tổ dân phố Hoà Bình, sau nhà máy may)	4.000
15	MBQH 542/QĐ-UBND ngày 7/2/2024 (Điểm dân cư Cồn Căng Tổ dân phố Hoà Bình)	4.000
16	MBQH 3384/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 (Điểm xen cư trước công sở UBND xã Đông Ninh)	5.850
17	MBQH7117 ngày 23/8/2024 (điểm dân cư Tổ dân phố Hoà Bình, giáp nhà máy may)	4.500
B.8	XÃ ĐÔNG HÒA CŨ	
1	Đường từ Ngã 4 Tân Đại (Ông Duy Cần) - đến Cầu sông B10	3.000
2	Đường trục chính phố Phú Minh; Hiền Thư; Chính Bình; Cựu Tự; Tân Đại; Thượng Hòa	2.000
3	Các đường ngõ xóm còn lại của các phố (đường ≤ 4 m)	1.500
4	Đường từ cầu sông B10 - Đê sông Hoàng	2.200
5	Đường vào chợ Đông Hòa	2.200
6	Đường vào Bãi Bồng xã Đông Hòa cũ	1.800
7	MBQH 2419 lô 2,3,4	3.000
8	Điểm dân cư Đồng Công - Đồng Đâu Tổ dân phố Tân Đại	4.000
9	Điểm dân cư Nông Tổ dân phố Giáp đường Cầu Vạn- Phú Anh	4.000
10	MBQH 476, ngày 08/02/2021	4.000
11	MBQH 752, ngày 11/3/2024 điểm dân cư nông Tổ dân phố xã Đông Hòa (giai đoạn II)	4.500
12	Đường Từ Đông Minh - đến ngã 4 Tân Đại (ông Duy Cần)	4.500
13	Đường từ ngã 3 trường Tiểu học và THCS - đến giáp phường Đông Quang	2.400
B.9	PHƯỜNG ĐÔNG TÂN CŨ	
1	Đường tỉnh lộ 517 Gồm - Cầu Trầu	7.000
2	Đường phố Tân Thọ	
2.1	Đoạn từ Quốc lộ 45 vào MBQH 73 Phú Sơn (giáp cổng tây)	9.000
2.2	Đoạn từ Quốc lộ 45 đến nhà ông Lê Thiết Tuất, ngõ còn lại vào thửa 37	4.500
2.3	MBQH 5356	7.000
2.4	Đoạn từ Quốc lộ 45 (cây xăng Đông Tân) đến Nhà văn hóa phố Tân Thọ, đến nhà ông Nguyễn Xuân Trọng	7.000
2.5	Đoạn giáp nhà ông Nguyễn Xuân Trọng đến nhà ông Nguyễn Văn Thắng	5.000
2.6	Đoạn từ nhà ông Bùi Ngọc Tuấn đến thửa 60, tờ bản đồ 12	5.000
2.7	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Hồng đến nhà các ông, bà Hoàng Thị Sành, đến nhà ông Đào Văn Vang, đến nhà ông Phạm Xuân Tân.	5.000

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
2.8	Đoạn từ Nhà văn hóa phố Tân Thọ đến nhà ông Vũ Bá Cư	5.000
2.9	Đoạn từ nhà ông Vũ Văn Sắc đến nhà bà Phạm Thị Hiên, đến nhà ông Vũ Đình Lai, đến thửa 37, tờ bản đồ 12	13.500
2.10	Đoạn từ Nhà văn hóa Tổ dân phố đến nhà ông Vũ Xuân Hà	5.000
2.11	Đường ngõ xóm còn lại Tổ dân phố Tân Thọ	4.000
3	Từ Quốc lộ 45 đến nhà ông Đào Văn Vang	4.500
4	Đường phân lô mặt bằng quy hoạch khu dân cư đồng Hà Đê (lô 2, lô 3)	9.000
5	Đường chính phố Tân Hạnh:	
5.1	Đoạn từ cổng Nhà văn hóa phố đến nhà ông Dương Văn Doan, đến Quốc lộ 47	5.000
5.2	Đoạn từ nhà bà Lê Thị Thoa đến nhà ông Hoàng Quốc Tuấn	5.000
5.3	Ngõ xóm còn lại phố Tân Hạnh	3.000
5.4	Đoạn từ Quốc lộ 45 vào nhà ông Lê Văn Thảo	3.000
5.5	Đường ven kênh B20	2.500
5.6	Giáp đường Nghi Sơn Sao Vàng đến Chùa Nam	4.000
6	Đường chính Tổ dân phố Tân Cộng:	
6.1	Đoạn từ vành đai phía Tây vào KTT Dược	5.000
6.2	Đoạn từ Quốc lộ 47 vào: KTT Đông Y; KTT Dược; vào cầu Tổ dân phố Tân Tự; vào nhà ông Vũ Văn Lâm; vào nhà ông Hoàng Quốc Tiến; vào nhà ông Lê Văn Hậu; vào nhà ông Lê Xuân Thanh; vào nhà ông Bùi Văn Yên	5.000
6.3	Đoạn từ trạm biến áp đến cầu chùa Nam	5.000
6.4	Đoạn từ nhà Nguyễn Văn Thông đến nhà bà Phạm Thị Thủy; đến nhà Lê Văn Thuộc	5.000
6.5	Ngõ xóm còn lại phố Tân Cộng	3.000
6.6	Đường khu núi Nam	1.500
6.7	Đoạn từ hộ ông Liên (thửa 334, tờ bản đồ 14) đến MBQH 936-MB tái định cư Tân Cộng	5.000
6.8	Đường trục chính phố Tân Lê, Tân Lợi (từ Quốc lộ 47 vào)	3.500
6.9	Ngõ xóm còn lại phố Tân Lê, Tân Lợi	2.500
6.10	Đường từ tỉnh lộ 517: Vào khu xóm trại; vào Vũ Thị Thao; vào nhà ông Thiều Văn Anh; vào nhà bà Lê Thị Nhuận; vào nhà ông Nguyễn Đình Kiên; vào nhà ông Nguyễn Phương Tổ dân phố Tân Lê, Tân Lợi	2.600
6.11	Đường nương sông chùa: Từ nhà bà Nguyễn Thị Liên đến nhà ông Nguyễn Đình Vương, đến ông Thiều Văn Nga (phố Tân Lê)	2.200
7	Đường Tổ dân phố Tân Dân	
7.1	Đoạn từ phường Rừng Thông cũ đến giáp phố Tân Tự	3.500
7.2	Đoạn từ Quốc lộ 47 nối với trục đường chính phố Tân Dân	3.500
7.3	Ngõ xóm còn lại phố Tân Dân	2.300

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
8	Đường dọc kênh Bắc từ giáp phố Tân Tự đến giáp phường Rừng Thông cũ	3.500
9	Đường Tổ dân phố Tân Tự	
9.1	Đoạn từ phố Tân Dân đến cổng Âu	3.500
9.2	Đoạn từ Quốc lộ 47 nối với trục đường chính phố Tân Tự	3.500
9.3	Ngõ xóm còn lại phố Tân Tự	2.300
10	Đường phân lô mặt bằng Quy hoạch khu dân cư Đồng Vườn (lô 2, lô 3)	5.000
11	Đường làng nghề	5.000
11.1	Các vị trí còn lại của đường làng nghề	2.500
12	Đất khai trường ven núi	2.000
13	Đường Lô 2 Bãi Vác	5.500
14	Khu dân cư Bắc Sơn 1	
14.1	Đường nội bộ: Lòng đường 7,5m	9.000
14.2	Đường nội bộ: Lòng đường 10,5m	10.000
15	MBQH 5303	
15.1	Đường nội bộ MBQH 5303 (lòng đường 7,5m)	6.500
15.2	Đường nội bộ MBQH 5303 (lòng đường >7,5m)	8.000
16	Đường MBQH 8315	
16.1	Đường vuông góc với đường Đại lộ Đông Tây	11.500
16.2	Đường nội bộ còn lại	10.000
17	Tuyến Đường Nguyễn Trãi - Quốc lộ 45	
17.1	Đoạn từ đến cổng Tây phường Đông Tân đến đường Lăng Viên phường Hạc Thành	15.000
18	Đường Quốc lộ 47 (tuyến từ ngã tư Phú Thọ qua ngã năm Nhồi và phường Đông Tân cũ)	
18.1	Từ hộ ông Nguyễn Đình Hùng - ngã 5 Nhồi đến cổng Chéo (cổng B20) (Đông Tân)	17.000
18.2	Từ cổng Chéo đến đường Vành đai phía Tây (Đông Tân)	15.000
18.3	Từ đường Vành đai phía Tây Đông Tân cũ đến nhà bà Nhấp Rừng Thông cũ (thửa 102, tờ số 11)	10.000
18.4	Từ đường Vành đai phía Tây Đông Tân cũ đến hết Cây xăng Minh Hương xã Đông Khê cũ (đường Quốc lộ 47 mới)	12.000
19	Tuyến Đường Vành đai phía Tây: Từ phường Đông Lĩnh đến hết phường Đông Tân	11.000
20	Đại lộ Đông Tây	
20.1	Đoạn từ giáp Phú Sơn đến đường Vành đai phía Tây	17.500
20.2	Đoạn từ đường Vành đai phía Tây đến giáp thị trấn Rừng Thông, H. Đông Sơn	17.000
20.3	Trung tâm Hội nghị phường Đông Sơn đến giáp phường Đông Tiến	15.000
20.4	Đường nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (đoạn qua địa phận phường Đông Sơn)	20.000
21	MBQH số 3569	
21.1	Đường nội bộ vuông góc đường Nghi Sơn Sao Vàng	11.404
21.2	Đường nội bộ song song đường Nghi Sơn Sao Vàng (lòng đường rộng 10,5m)	10.880

STT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất
21.3	Đường nội bộ song song đường Nghi Sơn Sao Vàng (lòng đường rộng 7,5m)	10.374
22	MBQH Khu dân cư Đông Nam làng Tân Thọ	
22.1	Đường nội bộ lòng đường 10,5m	15.000
22.2	Đường nội bộ lòng đường 7,5m	13.500
23	MBQH số 936 Khu tái định cư Tân Cộng phường Đông Sơn phục vụ GPMB đường sắt tốc độ cao	
23.1	Các tuyến tiếp giáp với đường vành đai phía Tây	11.000
23.2	Đường vuông góc với vành đai phía Tây	8.000
23.3	Các tuyến còn lại	6.500
	5. PHƯỜNG ĐÔNG TIẾN	
A	MỘT SỐ TUYẾN CHÍNH	
1	Quốc lộ 45	
1.1	Đường Quốc lộ 45 từ giáp phường Rừng thông cũ - giáp xã Đông Thanh cũ	10.000
1.2	Đường Quốc lộ 45 từ giáp xã Đông Tiến cũ đến giáp xã Thiệu Trung cũ	8.500
1.3	Tuyến Đường Nguyễn Trãi - Quốc lộ 45: Đoạn từ giáp phường Rừng Thông cũ đến cổng Tây phường Đông Lĩnh cũ	14.000
1.4	Tuyến đường vành đai phía Tây Thành phố Thanh Hóa: Từ phường Hàm Rồng - đến phường Đông Sơn	12.000
2	Đường tỉnh 502 (KÊNH B9): Giáp xã Thiệu Đô cũ đến giáp xã Thiệu Vân cũ (địa phận Thiệu Châu cũ), bao gồm Khu Mã Niễn, Khu Nước Mạ, Khu Cây Lót, Khu Ao tàn thôn Xuân Thịnh, Khu Ao tàn sâu thôn Yên Tân, Khu Cửa Chứa, Khu dân cư nổi bề)	6.000
3	Đường ĐH.TH07 Thiệu Châu cũ đi Thiệu Giao cũ - Bôn	5.500
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG PHƯỜNG	
B.1	PHƯỜNG ĐÔNG LĨNH CŨ	
1	Đường dọc kênh B19:	
1.1	Từ Quốc lộ 45 đến cổng Trường Quân sự (hộ ông Thụy) (Lô 1)	7.000
1.2	Lô 2	5.000
1.3	Từ cổng Trường Quân Sự đến Gara ô tô Lê Nam	6.000
1.4	Từ Gara ô tô Lê Nam đến Nhà văn hóa phố Quyết	7.000
1.5	Từ Nhà văn hóa phố Quyết đến giáp phường Hàm Rồng	6.500
2	Từ Quốc lộ 45 đến nhà ông Nam, ông Thiệu	6.000
3	Đường trục chính phố Đông, phố Sơn	5.000
4	Các đường ngõ phố còn lại thuộc phố Đông	4.500
5	Các đường ngõ phố còn lại thuộc phố Sơn	4.000
6	Đường từ cổng Trường Quân sự (ông Thành Phụng) đến kênh B19 (hộ ông Sáng)	4.000
7	Đường từ nhà ông Ty đến giáp phố Lợi (làng Vĩnh Ngọc)	4.500
8	Từ phố Lợi đến cầu phố Phú	4.500
9	Đường từ nhà ông Thu Bình đến kênh B19 (làng Vân Nhung)	4.500
10	Đường từ Chợ Nhung (giáp đường dọc kênh B19) đến KCN Tây Bắc Ga (làng Vân Nhung)	4.500
11	Đường từ hộ ông Bình đến chợ Nhung (làng Vân Nhung)	4.500